|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS LÊ HỒNG PHONG** | **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II****NĂM HỌC 2024 - 2025****MÔN: NGỮ VĂN 7** |

**A. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập**

**I. Văn bản:**

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn: đề tài, tình huống, cốt truyện, nhân vật, chủ đề.

- Nhận biết được một số yếu tố của tục ngữ: số lượng câu, chữ; vần.

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian; tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống thể hiện qua ý kiến, lí lẽ, bằng chứng mà mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản.

- Nêu được trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu hơn văn bản.

- Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thông tin, cách triển khai, vai trò của các chi tiết, tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ; nêu được trải nghiệm giúp bản thân hiểu hơn văn bản.

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản giới thiệu quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm và nội dung chính của văn bản với mục đích của nó.

**a. Truyện ngụ ngôn**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Kiến thức** |
| **1. Khái niệm** | **Truyện ngụ ngôn** là hình thức tự sự cỡ nhỏ, trình bày những bài học đạo lí và kinh nghiệm sống, thường sử dụng lối diễn đạt ám chỉ, ngụ ý, bóng gió. |
| **2. Đặc điểm chung** | - Truyện ngụ ngôn thường ngắn gọn, được viết bằng thơ hoặc văn xuôi. - Nhân vật ngụ ngôn có thể là con người hoặc con vật, đồ vật được nhân hoá (biết nói năng, có tính cách, tâm lí như con người). - Truyện ngụ ngôn thường nêu lên những tư tưởng, đạo lí hay bài học cuộc sống bằng ngôn ngữ giàu hình ảnh, có thể pha yếu tố hài hước. |

**b. Tục ngữ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Kiến thức** |
| **Khái niệm** | **Tục ngữ** thuộc loại sáng tác ngôn từ dân gian, là những câu nói ngắn gọn, nhịp nhàng, cân đối, thường có vần điệu, đúc kết nhận thức về tự nhiên và xã hội, kinh nghiệm về đạo đức và ứng xử trong đời sống.  |

**c. Truyện khoa học viễn tưởng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Kiến thức** |
| **1. Khái niệm** | **Truyện khoa học viễn tưởng** là loại tác phẩm viết về thế giới tương lai dựa trên sự phát triển của khoa học dự đoán, thường có tính chất li kì. Truyện khoa học viễn tưởng sử dụng cách viết lô-gíc nhằm triển khai những ý tưởng về viễn cảnh hay công nghệ tương lai. Vì có nền tảng là các nguyên lí khoa học mới của thời hiện tại nên có những giả tưởng trong truyện khoa học viễn tưởng có thể trở thành sự thật. |
| **2. Đề tài** | Những cuộc thám hiểm vũ trụ, du hành xuyên thời gian, những cuộc kết nối với sự sống ngoài Trái Đất,... |
| **3. Không gian** | Không gian Trái Đất (trên mặt đất, ở tâm địa cầu hay dưới đáy đại dương) hoặc ngoài Trái Đất (trên các hành tinh của hệ Mặt Trời hay trong những thiên hà xa xôi khác)... |
| **4. Thời gian** | Thường là thời gian trong tương lai xa, xét từ mốc ra đời của tác phẩm.  |
| **5. Cốt truyện** | Gồm một chuỗi tình huống, sự kiện hoàn toàn tưởng tượng, dựa trên những giả thuyết, dự báo và quan niệm khoa học.  |
| **6. Nhân vật chính** | Thường có sức mạnh thể chất phi thường do những tác động của các nhân tố khoa học nào đó, có cấu tạo hoặc khả năng kì lạ, có trí thông minh kiệt xuất để tạo ra những phát minh. |

**d. Văn bản nghị luận**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Kiến thức** |
| **1. Các vấn đề được bàn** | - Mọi vấn đề của đời sống xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học,...-  Văn bản nghị luận có giá trị phải chọn được vấn đề đáng quan tâm, có ý nghĩa với nhiều người.- Trước một vấn đề, có thể có nhiều ý kiến khác nhau. |
| **2. Mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng** | Văn bản nghị luận thể hiện ý kiến của người viết. Sức thuyết phục của ý kiến phụ thuộc vào việc dùng lí lẽ và bằng chứng. Mỗi ý kiến thường được làm rõ bằng một số lí lẽ, mỗi lí lẽ được củng cố bởi một số bằng chứng. Ý kiến cần mới mẻ, lí lẽ cần sắc bén, bằng chứng cần xác thực, tiêu biểu, và tất cả những yếu tố đó phải có mối liên hệ với nhau, tạo thành một hệ thống chặt chẽ.  |
| **3. Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học** | **- Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học** là một loại văn bản nghị luận mà người viết bàn luận về đặc điểm của một tác phẩm trên các phương diện nội dung, hình thức trong mối quan hệ với tác giả, hoàn cảnh sáng tác, thời đại,... và khái quát giá trị chung của tác phẩm. **- Lí lẽ** trong văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học chính là những ý kiến của người viết về đặc điểm nội dung, hình thức của tác phẩm.**- Bằng chứng**trong văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học là những phần (câu, đoạn), những chi tiết được dẫn từ văn bản theo hình thức trích dẫn nguyên văn hoặc lược thuật, tóm tắt lại.  |

**e. Văn bản thông tin**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Kiến thức** |
| **1. Cách triển khai ý tưởng** | - Triển khai theo trật tự thời gian.- Triển khai theo quan hệ nhân quả.- Triển khai qua việc đưa ra liên tiếp nhiều góc nhìn khác nhau về sự vật, hiện tượng để độc giả nhận thấy được tính phức tạp của vấn đề được đề cập.- Triển khai qua việc người viết lần lượt trình bày về từng bộ phận của đối tượng muốn nói đến trước khi đưa ra một thông tin hay quan điểm nhìn nhận thông tin mang tính bao trùm.  |
| **2. Văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động** | - Đây là loại văn bản thuyết minh nói về đặc điểm của một trò chơi hay hoạt động, giúp người đọc có thể tham gia, thưởng thức hay đánh giá về trò chơi, hoạt động ấy một cách thuận lợi.- Văn bản thường trình bày chi tiết về cách chơi, cách tổ chức hoạt động (thời gian, địa điểm, số lượng người tham gia, các điều kiện phải đảm bảo,..) bằng những câu ngắn gọn, dễ hiểu, có thể kèm theo các hình vẽ hay bức ảnh mang tính minh hoạ. |

**II. Tiếng Việt**

**1. Nêu khái niệm Thành ngữ . Cho ví dụ minh họa**

**2. Các biện pháp tu từ:** SO SÁNH, NHÂN HÓA, ĐIỆP NGỮ, ẨN DỤ

2.1. Thế nào là So sánh? Cho ví dụ minh họa.

2.2. Thế nào là Nhân hóa? Cho ví dụ minh họa.

2.3. Thế nào là Điệp ngữ? Cho ví dụ minh họa.

2.4. Thế nào là Ẩn dụ? Cho ví dụ minh họa.

2.5. Thế nào là Hoán dụ? Cho ví dụ minh họa.

2.6. Thế nào là Nói quá, tác dụng. Cho ví dụ minh họa

**3. Dấu câu**

Nêu công dụng của dấu chấm lửng? Cho ví dụ minh họa.

**4. Mạch lạc và Liên kết trong văn bản**

a. Nêu khái niệm Mạch lạc. Nêu khái niệm Liên kết.

b. Kể tên một số phép liên kết thường dùng

**5. Thuật ngữ:** Đặc điểm và chức năng của thuật ngữ? Cho ví dụ minh họa.

**6. Cước chú và tài liệu tham khảo**

1. Thế nào là Cước chú? Cách ghi cước chú? Cho ví dụ minh họa.

2. Thế nào là tài liệu tham khảo? Cách ghi cước chú? Cho ví dụ minh họa

**7. Từ Hán Việt**

1. Thế nào là từ Hán Việt? Cho ví dụ minh họa

2. Cách xác định nghĩa của yếu tố Hán Việt?

**III. Tập làm văn**

**I. Bài văn Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em có dịp tìm hiểu.**

\*Bố cục bài viết cần đảm bảo:

-Mở bài :

+ Giới thiệu đôi nét về nhân vật

+ Giới thiệu sự việc liên quan đến nhân vật.

- Thân bài:

+ Kể lại diễn biến sự việc. Lưu ý sử dụng các yếu tố miêu tả

- Nêu ý nghĩa của sự việc.

- Kết bài: Nêu suy nghĩ và ấn tượng của người viết về sự việc.

**II. Bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (Trình bày ý kiến tán thành)**

\*Bố cục bài viết cần đảm bảo:

**a. Mở bài:**Nêu vấn đề đời sống cần bàn và ý‎ kiến đáng quan tâm về vấn đề đó.

**b. Thân bài:**

- Trình bày thực chất ý kiến, quan niệm đã nêu để bàn luận.

- Thể hiện thái độ tán thành ý kiến vừa nêu bằng các ý:

+Ý 1: Khía cạnh thứ nhất cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng)

+Ý 2: Khía cạnh thứ hai cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng)

+Ý 3: Khía cạnh thứ ba cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng)….

**c. Kết bài:** khẳng định tính xác đáng của ý kiến được người viết tán thành và sự cần thiết của việc tán thành ý kiến đó.

**III. Bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (Trình bày ý kiến phản đối)**

\*Bố cục bài viết cần đảm bảo:

**a. Mở bài:** Nêu được vấn đề cần nghị luận và bày tỏ ý‎ kiến phản đối cách nhìn nhận về vấn đề.

**b. Thân bài:**

-Ý 1 trình bày thực chất của ý kiến, quan niệm đã nêu để bàn luận

-Ý 2 phản đối các khía cạnh của ý kiến, quan niệm (lí lẽ, bằng chứng)

-Ý 3 nhận xét những tác động tiêu cực của ý kiến, quan niệm đối với đời sống (lí lẽ, bằng chứng)

**c. Kết bài**: Nêu ý nghĩa của việc thể hiện ý kiến phản đối.

**B. Phần 2: ĐỀ THỰC HÀNH**

**ĐỀ 1:**

**Phần 1: Đọc hiểu (4 điểm)**

***Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:***

    “Thành công và thất bại chỉ đơn thuần là những điểm mốc nối tiếp nhau trong cuộc sống để tôi luyện nên sự trưởng thành của con người. Thất bại giúp con người đúc kết được kinh nghiệm để vươn tới chiến thắng và khiến những thành công đạt được thêm phần ý nghĩa. Không có ai luôn thành công hay thất bại, tuyết đối thông minh hay dại khờ, tất cả đều phụ thuộc vào nhận thức, tư duy tích cực hay tiêu cực của mỗi người. Như chính trị gia người Anh, Sir Winston Churchill, từng nói, “Người bi quan nhìn thấy khó khăn trong mỗi cơ hội, còn người lạc quan nhìn thấy cơ hội trong mỗi khó khăn.”. Sẽ có những người bị ám ảnh bởi thất bại, bị chúng bủa vây, che lấp những cơ hội dẫn tới thành công. Tuy nhiên, đừng sa vào vũng lầy bi quan đó, thất bại là một lẽ tự nhiên và là một phần tất yếu của cuộc sống. Đó là một điều bạn không thể tránh khỏi, nếu không muốn nói thực sự là trải nghiệm mà bạn nên có trong đời. Vì vậy, hãy thất bại một cách tích cực.”

*(“Học vấp ngã để từng bước thành công - John C.Maxwell)*

**Câu 1 (0,5 điểm):** Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên?

**Câu 2 (0,5 điểm):** Xác định chủ đề của đoạn trích?

**Câu 3** **(1,0 điểm):** Hãy xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu: “Người bi quan nhìn thấy khó khăn trong mỗi cơ hội, còn người lạc quan nhìn thấy cơ hội trong mỗi khó khăn.”

**Câu 4 (1,0 điểm):** Tại sao tác giả lại nói:...“thất bại là một lẽ tự nhiên và là một phần tất yếu của cuộc sống”?

**Câu 5 (1,0 điểm):** Từ ngữ liệu trên, trình bày suy nghĩ của em về câu nói sau của G.Welles: “*Thử thách lớn nhất của con người là lúc thành công rực rỡ”*.

**Phần 2: Viết (6 điểm)**

Em hãy viết một bài văn nghị luận về vấn đề: nghiện game của học sinh hiện nay.

**ĐỀ 1:**

**Đọc hiểu văn bản:**: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi ở dưới:

**Quà của bà**

Bà tôi bận lắm, cặm cụi công việc suốt ngày. Nhưng chả lần nào đi chợ mà bà không tạt vào thăm hai anh em tôi, cho chúng tôi khi thì tấm bánh đa, quả thị, khi thì củ sắn luộc hoặc mớ táo. Ăn quà của bà rất thích, nhưng ngồi vào lòng bà nghe bà kể chuyện còn thích hơn nhiều.

Gần đây, bà tôi không được khỏe như xưa nữa. Đã hai năm nay, bà bị đau chân. Bà không đi chợ được, cũng không đến chơi với các cháu được. Thế nhưng lần nào chúng tôi đến thăm bà, bà cũng vẫn có quà cho chúng tôi: khi thì mấy củ dong riềng, khi thì cây mía, quả na, hoặc mấy khúc sắn dây, toàn những thứ tự tay bà trồng ra. Chiều qua, đi học về, tôi chạy đến thăm bà. Bà ngồi dậy, cười cười, rồi tay bà run run, bà mở cái tay nải của bà, đưa cho tôi một gói quà đặc biệt: ô mai sấu!

Bà ơi bà! Ô mai sấu bà cho, cháu sẽ chia cho bố cháu, mẹ cháu và anh cháu… Cháu biết rồi, bà ơi… Cứ sáng sớm, sau mỗi đêm mưa gió, bà lại lần ra sân, nhặt những quả sấu rụng ở quanh gốc cây sấu bà trồng từ thời con gái. Rồi bà rửa, bà ngâm muối, bà phơi. Bà gói thành từng gói nhỏ, bà đợi các cháu đến bà cho…

(Theo Vũ Tú Nam)

**Câu 1** : Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

**Câu 2**: Tìm một cụm chủ - vị có vai trò mở rộng câu trong câu: “Cứ sáng sớm, sau mỗi đêm mưa gió, bà lại lần ra sân, nhặt những quả sấu rụng ở quanh gốc cây sấu bà trồng từ thời con gái.”

**Câu 3:** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn sau: “Bà ngồi dậy, cười cười, rồi tay bà run run, bà mở cái tay nải của bà, đưa cho tôi một gói quà đặc biệt: ô mai sấu!”

**Câu 4 :**Theo em, tác giả muốn nói điều gì qua văn bản trên?

**Câu 5:** Từ nội dung văn bản ở phần đọc hiểu trên, em hãy viết một đoạn văn( 4-6) câu) nêu cảm nhận của em về hình ảnh người bà và tình cảm của nhân vật “tôi” đối với bà.

**Phần 2: Viết (6 điểm)**

**Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em có dịp tìm hiểu.**